

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA - BAO BÌ VINH  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Cho giai đoạn tài chính  
từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010*

**ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

## **MỤC LỤC**

## **Trang**

Báo cáo kết quả công tác soát xét Báo cáo tài chính	1
Báo cáo tài chính	
Bảng cân đối kế toán	2 - 3
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	4
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	5
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	6 - 17

## **BÁO CÁO**

### **KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Kính gửi:**        **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ GIÁM ĐỐC**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA - BAO BÌ VINH**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán giữa niên độ lập tại ngày 30/6/2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010 của Công ty Cổ phần Nhựa - Bao bì Vinh (sau đây được viết tắt là "Công ty").

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam (hoặc chuẩn mực kế toán được Việt Nam chấp nhận) và các quy định pháp lý có liên quan.

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ**  
**TIN HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (AISC)**

**Giám đốc**

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2010

**Kiểm toán viên**

**Đào Tiến Đạt**

Chứng chỉ KTV số: Đ0078/KTV

**Vũ Khắc Chuyển**

Chứng chỉ KTV số: 0160/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2010 Đồng	01/01/2010 Đồng
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>116.835.797.735</b>	<b>83.619.375.263</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>6.761.318.187</b>	<b>377.175.863</b>
1. Tiền	111	V.1	6.761.318.187	377.175.863
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>72.832.752.941</b>	<b>45.141.412.565</b>
1. Phải thu khách hàng	131		68.410.259.682	45.446.444.647
2. Trả trước cho người bán	132		4.844.549.850	44.000.000
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3	18.723.870	91.748.379
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(440.780.461)	(440.780.461)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>37.076.465.693</b>	<b>31.328.301.497</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.4	37.076.465.693	31.328.301.497
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>165.260.914</b>	<b>6.772.485.338</b>
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		0	3.249.322.885
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		165.260.914	3.523.162.453
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>28.935.841.053</b>	<b>21.492.937.534</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>28.335.841.053</b>	<b>20.892.937.534</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	24.361.567.448	20.793.455.977
<i>Nguyên giá</i>	222		52.404.783.580	44.896.278.234
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(28.043.216.132)	(24.102.822.257)
4 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	3.974.273.605	99.481.557
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>600.000.000</b>	<b>600.000.000</b>
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	600.000.000	600.000.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>145.771.638.788</b>	<b>105.112.312.797</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2010 Đồng	01/01/2010 Đồng
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>105.153.239.443</b>	<b>67.580.848.352</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>97.588.000.608</b>	<b>61.248.417.319</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	57.477.343.359	28.659.591.092
2. Phải trả người bán	312		19.386.557.615	23.672.674.351
3. Người mua trả tiền trước	313		0	45.829.661
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	2.472.325.030	3.725.809.490
5. Phải trả người lao động	315		2.356.697.072	2.822.362.764
6. Chi phí phải trả	316	V.17	1.438.314.545	1.725.353.103
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	11.545.775.435	347.426.676
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.910.987.552	249.370.182
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>7.565.238.835</b>	<b>6.332.431.033</b>
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	6.080.621.960	4.832.440.658
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		1.484.616.875	1.499.990.375
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>40.618.399.345</b>	<b>37.531.464.445</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.22</b>	<b>40.618.399.345</b>	<b>37.531.464.445</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		18.983.640.000	18.983.640.000
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		419.907.066	13.289.554
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		10.249.255.411	1.519.403.148
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.418.298.110	1.696.609.484
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		7.547.298.758	15.318.522.259
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>145.771.638.788</b>	<b>105.112.312.797</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOẠI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2010	01/01/2010
5. Ngoại tệ các loại				
- USD			30.502,07	364,12

Thành phố Vinh, ngày 25 tháng 7 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Tần Thị Hồng Thái

Nguyễn Xuân Hải

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

Quý II năm 2010

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay Đồng	Năm trước Đồng	Năm nay Đồng	Năm trước Đồng
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	80.576.626.591	74.136.391.825	158.635.970.014	126.965.647.395
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.26	0	0	0	0
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>VI.27</b>	<b>80.576.626.591</b>	<b>74.136.391.825</b>	<b>158.635.970.014</b>	<b>126.965.647.395</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	68.886.270.587	60.410.520.693	136.849.579.003	105.152.034.376
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>11.690.356.004</b>	<b>13.725.871.132</b>	<b>21.786.391.011</b>	<b>21.813.613.019</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	71.707.697	5.130.311	82.033.303	11.320.866
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.30	2.503.628.859	1.194.566.965	4.055.958.983	2.706.851.471
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.810.070.435	546.985.895	2.991.761.719	1.358.985.155
8. Chi phí bán hàng	24		2.563.537.155	2.667.746.207	4.951.542.098	4.435.711.429
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.519.029.846	1.141.440.858	2.856.333.985	2.397.192.369
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>5.175.867.841</b>	<b>8.727.247.413</b>	<b>10.004.589.248</b>	<b>12.285.178.616</b>
11. Thu nhập khác	31		73.782.157	10.637.700	93.373.457	23.104.500
12. Chi phí khác	32		19.032.811	53.880.462	31.079.235	82.040.048
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>54.749.346</b>	<b>(43.242.762)</b>	<b>62.294.222</b>	<b>(58.935.548)</b>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.230.617.187	8.684.004.651	10.066.883.470	12.226.243.068
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.31	1.307.654.297	2.087.239.674	2.519.584.712	2.487.239.674
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		0	0	0	0
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>3.922.962.890</b>	<b>6.596.764.977</b>	<b>7.547.298.758</b>	<b>9.739.003.394</b>
<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>VI.35</b>	<b>2.066,50</b>	<b>3.474,97</b>	<b>3.975,69</b>	<b>5.130,21</b>

Thành phố Vinh, ngày 25 tháng 7 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Trần Thị Hồng Thái

Nguyễn Xuân Hải

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý II năm 2010

TT	Chi tiêu	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	136.083.402.521	113.426.165.591
2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá dịch vụ	02	(121.207.262.832)	(15.037.019.392)
3	Tiền chi trả cho người lao động	03	(8.162.291.039)	(5.714.147.010)
4	Tiền chi trả lãi vay	04	(2.991.761.719)	(807.884.636)
5	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(4.487.940.550)	(594.169.854)
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	4.088.253.687	23.238.049.681
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(17.816.029.751)	(38.395.833.724)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(14.493.629.683)</b>	<b>76.115.160.656</b>
<b>II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1	Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(6.955.359.075)	(1.635.468.810)
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	18.210.122	11.320.866
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(6.937.148.953)</b>	<b>(1.624.147.944)</b>
<b>III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
3	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	130.070.008.269	2.190.000.000
4	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(100.039.515.128)	(78.687.837.774)
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.198.364.000)	0
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>27.832.129.141</b>	<b>(76.497.837.774)</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>6.401.350.505</b>	<b>(2.006.825.062)</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>377.175.863</b>	<b>2.153.945.891</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(17.208.181)	0
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>6.761.318.187</b>	<b>147.120.829</b>

Thành phố Vinh, ngày 25 tháng 7 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Trần Thị Hồng Thái

Nguyễn Xuân Hải

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)***I- ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1- Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Nhựa - Bao bì Vinh tiền thân là Nhà máy Nhựa - Bao bì trực thuộc Công ty Hợp tác kinh tế - Quân khu 4 được cổ phần hóa theo Quyết định số 144/2002/QĐ-BQP ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 2703000092 ngày 03/01/2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp, đăng ký thay đổi lần 02 (hai) ngày 14/4/2008.

Trụ sở chính: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 30/6/2010 là: **18.983.640.000** đồng (*Mười tám tỷ, chín trăm tám mươi ba triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn đồng*).

Cơ cấu vốn điều lệ:

<b>Đối tượng góp vốn:</b>	<b>Số cổ phần</b>	<b>Số tiền (Đồng)</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>
Công ty Hợp tác Kinh tế - Quân khu 4	969.500	9.695.000.000	51,07
Các cổ đông khác	928.864	9.288.640.000	48,93
<b>Tổng</b>	<b>1.898.364</b>	<b>18.983.640.000</b>	<b>100</b>

**2- Những hoạt động sản xuất kinh doanh chính**

Trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010, lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là sản xuất các loại bao bì xi măng, bao bì PP, bao bì PE.

**3- Ngành nghề kinh doanh theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh**

- Sản xuất, mua bán bao bì xi măng, bao bì PP, PE và các sản phẩm bằng nhựa; in bao bì;
- Mua bán vật tư, nguyên liệu, thiết bị sản xuất bao bì các loại (hạt nhựa, giấy krap, máy móc sản xuất bao bì...);
- Kinh doanh vận tải hàng hóa đường bộ.

**II- KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1- Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010 được lập cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010.

**2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính giữa niên độ là Đồng Việt Nam.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)*

**III- CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1- Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty thực hiện công tác kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

**2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

**3- Hình thức kế toán áp dụng**

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính.

**IV- CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các khoản tiền được ghi nhận trong Báo cáo tài chính gồm: Tiền mặt, tiền gửi thanh toán tại các ngân hàng, đảm bảo đã được kiểm kê, có xác nhận số dư của các ngân hàng tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra Đồng Việt Nam: Các nghiệp vụ phát sinh không phải là Đồng Việt Nam (ngoại tệ) được chuyển đổi thành Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh. Số dư tiền và các khoản công nợ có gốc ngoại tệ tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm được chuyển đổi thành Đồng Việt Nam theo tỷ giá mua bán thực tế bình quân liên ngân hàng thương mại do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

**2- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Theo nguyên tắc giá gốc.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên.

**3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ**

Tài sản cố định của Công ty được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ: Theo nguyên tắc giá gốc.

Phương pháp khấu hao tài sản cố định: TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao phù hợp với Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ban hành kèm theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**5- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác được phản ánh trong Báo cáo tài chính của Công ty theo nguyên tắc giá gốc

**6- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 16 - *Chi phí đi vay*.

**8- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có số chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**10- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: Được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ thực hiện theo Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Là số lợi nhuận từ hoạt động của Công ty sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Phân phối lợi nhuận: lợi nhuận được tạm phân phối căn cứ vào Điều lệ hoạt động của Công ty và chính thức được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Việc tăng giảm vốn điều lệ và phân phối lợi nhuận được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

**11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng: Tuân thủ 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - *Doanh thu và thu nhập khác*, doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích.

Doanh thu hoạt động tài chính: Tuân thủ 2 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - *Doanh thu và thu nhập khác*.

**12- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính được ghi nhận trong kỳ là chi phí lãi tiền vay, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái thực hiện, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện của các khoản vay dài hạn.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)***13- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành 25%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**15- Nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**

Thuế giá trị gia tăng: Công ty thực hiện nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Các loại thuế, phí khác được thực hiện theo quy định về thuế, phí hiện hành của Nhà nước.

**V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1- Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/06/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>Đồng</b>	<b>Đồng</b>
Tiền mặt tại quỹ	452.809.345	9.477.439
Tiền gửi ngân hàng (*)	2.996.112.842	367.698.424
Tiền đang chuyển	3.312.396.000	0
<b>Cộng</b>	<b>6.761.318.187</b>	<b>377.175.863</b>

**(\*) Chi tiết tiền gửi ngân hàng**

	<b>30/06/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>Đồng</b>	<b>Đồng</b>
Tiền gửi VND tại Ngân hàng Vietcombank – Chi nhánh Vinh	2.424.163.725	118.030.193
Tiền gửi USD tại Ngân hàng Vietcombank – Chi nhánh Vinh	565.630.386	6.532.677
Tiền gửi VND tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Nghệ An	6.318.731	243.135.554
<b>Cộng</b>	<b>2.996.112.842</b>	<b>367.698.424</b>

**3- Các khoản phải thu ngắn hạn khác**

	<b>30/06/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>Đồng</b>	<b>Đồng</b>
Phải thu về tiền trợ cấp BHXH	0	83.502.932
Phí mở LC	18.723.870	8.245.447
<b>Cộng</b>	<b>18.723.870</b>	<b>91.748.379</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA - BAO BÌ VINH**

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An  
Tel: 038 3855 524 Fax: 038 3856 007

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ kế toán  
từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**4- Hàng tồn kho**

	<b>30/06/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>Đồng</b>	<b>Đồng</b>
Nguyên liệu, vật liệu	23.818.457.983	23.087.049.178
Công cụ, dụng cụ	565.739.703	302.385.114
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	8.073.138.405	6.688.346.227
Thành phẩm	3.143.290.054	1.250.520.978
Hàng gửi đi bán	1.475.839.548	0
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>37.076.465.693</b>	<b>31.328.301.497</b>

**8 - Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: Đồng

<b>KHOẢN MỤC</b>	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc</b>	<b>Máy móc, thiết bị</b>	<b>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</b>	<b>Thiết bị, dụng cụ quản lý</b>	<b>Tổng cộng</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2010	4.724.291.099	38.081.044.409	1.704.536.635	386.406.091	44.896.278.234
Tăng do mua sắm	22.763.310	7.443.560.256	0	42.181.780	7.508.505.346
Tại ngày 30/6/2010	4.747.054.409	45.524.604.665	1.704.536.635	428.587.871	52.404.783.580
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2010	2.276.722.881	21.051.336.004	565.904.492	208.858.880	24.102.822.257
Khấu hao trong năm	199.202.720	3.569.538.630	125.213.059	46.439.466	3.940.393.875
Tại ngày 30/6/2010	2.475.925.601	24.620.874.634	691.117.551	255.298.346	28.043.216.132
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2010	2.447.568.218	17.029.708.405	1.138.632.143	177.547.211	20.793.455.977
Tại ngày 30/6/2010	2.271.128.808	20.903.730.031	1.013.419.084	173.289.525	24.361.567.448

- o Giá trị còn lại tại 30/6/2010 của TSCĐ hữu hình đã thế chấp, cầm cố các khoản vay: **5.724.403.921 đồng**;
- o Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao tại ngày 30/6/2010 nhưng vẫn còn sử dụng: **9.511.110.762 đồng**;
- o Nguyên giá tài sản cố định tại ngày 30/6/2010 chờ thanh lý: **0 đồng**.

**11- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>30/06/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>Đồng</b>	<b>Đồng</b>
Mua sắm TSCĐ	0	61.601.557
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	3.974.273.605	37.880.000
+ Dự án Nhà máy sản xuất bao bì Nghi Xuân tạ Khu công nghiệp Nam Cẩm	3.974.273.605	37.880.000
<b>Cộng</b>	<b>3.974.273.605</b>	<b>99.481.557</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA - BAO BÌ VINH**

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An  
Tel: 038 3855 524 Fax: 038 3856 007

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ kế toán  
từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**13- Đầu tư dài hạn khác**

	30/06/2010		01/01/2010	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị (Đồng)	Số lượng cổ phiếu	Giá trị (Đồng)
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Xi măng Hợp Sơn	60.000	600.000.000	60.000	600.000.000
<b>Cộng</b>	<b>60.000</b>	<b>600.000.000</b>	<b>60.000</b>	<b>600.000.000</b>

**15- Vay và nợ ngắn hạn**

	30/06/2010 Đồng	01/01/2010 Đồng
Vay ngắn hạn ngân hàng	44.026.508.359	22.677.815.792
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh	30.842.756.227	20.928.614.130
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Nghệ An	13.183.752.132	1.749.201.662
Vay ngắn hạn cá nhân (*)	12.667.245.000	4.767.245.000
Vay dài hạn đến hạn trả	783.590.000	1.214.530.300
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh	257.850.000	507.730.300
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Nghệ An	525.740.000	706.800.000
<b>Cộng</b>	<b>57.477.343.359</b>	<b>28.659.591.092</b>

(\*): Trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010 Công ty vay ngắn hạn của các cá nhân với lãi suất theo lãi suất công bố của Ngân hàng.

**Chi tiết tiền vay các cá nhân như sau:**

	30/06/2010 Đồng	01/01/2010 Đồng
+ Phạm Thị Nguyệt	670.000.000	470.000.000
+ Lê Văn Khang	0	200.000.000
+ Văn Thị Lan	347.245.000	347.245.000
+ Nguyễn Thị Kim Liên	3.500.000.000	1.000.000.000
+ Trần Thị Châu	2.500.000.000	950.000.000
+ Lê Thị Lương	2.850.000.000	500.000.000
+ Nguyễn Ngọc Hải	1.800.000.000	1.300.000.000
+ Mai Thị Ngọc Lan	600.000.000	0
+ Nguyễn Thị Thu Huyền	200.000.000	0
+ Trần Thị Quế Châu	200.000.000	0
<b>Cộng</b>	<b>12.667.245.000</b>	<b>4.767.245.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA - BAO BÌ VINH**

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An  
 Tel: 038 3855 524 Fax: 038 3856 007

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ kế toán  
 từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**16- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<b>30/06/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>Đồng</b>	<b>Đồng</b>
Thuế giá trị gia tăng	694.394.847	0
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.757.453.652	3.725.809.490
Thuế thu nhập cá nhân	20.476.531	0
<b>Cộng</b>	<b>2.472.325.030</b>	<b>3.725.809.490</b>

**17- Chi phí phải trả**

	<b>30/06/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>Đồng</b>	<b>Đồng</b>
Tiền lương phép phải trả	265.182.000	547.634.202
Chi phí lãi vay phải trả	119.066.251	58.701.227
Trích trước tiền điện sản xuất	495.945.694	532.688.713
Trích trước tiền vận chuyển	558.120.600	586.328.961
<b>Cộng</b>	<b>1.438.314.545</b>	<b>1.725.353.103</b>

**18- Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác**

	<b>30/06/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>Đồng</b>	<b>Đồng</b>
Kinh phí công đoàn	297.689.839	282.809.119
Bảo hiểm xã hội	123.866.663	50.372.533
Bảo hiểm thất nghiệp	60.721.093	0
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển thương mại Hoàng Phát (*)	11.063.497.840	0
Phải trả, phải nộp khác	0	14.245.024
<b>Cộng</b>	<b>11.545.775.435</b>	<b>347.426.676</b>

(\*): đây là khoản Công ty tạm ghi nhận giá trị Nguyên vật liệu nhập kho mua của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển thương mại Hoàng Phát nhưng chưa nhận được hóa đơn GTGT.

**20- Vay và nợ dài hạn**

	<b>30/06/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>Đồng</b>	<b>Đồng</b>
Vay dài hạn	6.080.621.960	4.832.440.658
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh	2.798.942.960	2.715.191.658
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Nghệ An	3.281.679.000	2.117.249.000
Nợ dài hạn	0	0
<b>Cộng</b>	<b>6.080.621.960</b>	<b>4.832.440.658</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA - BAO BÌ VINH**

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An  
Tel: 038 3855 524 Fax: 038 3856 007

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ kế toán  
từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**22- Nguồn vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: Đồng

Chi tiêu	Vốn đầu tư của CSH	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quý đầu tư phát triển	Quý dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
<b>Tại ngày 01/01/2009</b>	<b>18.983.640.000</b>	<b>0</b>	<b>1.164.760.319</b>	<b>1.302.561.896</b>	<b>1.592.511.657</b>	<b>23.043.473.872</b>
Lãi trong năm trước	0	0	0	0	17.216.886.259	17.216.886.259
Tăng khác	0	13.289.554	0	0	0	13.289.554
Phân phối lợi nhuận	0	0	354.642.829	394.047.588	(3.490.875.657)	(2.742.185.240)
<b>Tại ngày 01/01/2010</b>	<b>18.983.640.000</b>	<b>13.289.554</b>	<b>1.519.403.148</b>	<b>1.696.609.484</b>	<b>15.318.522.259</b>	<b>37.531.464.445</b>
Lãi trong kỳ	0	0	0	0	7.547.298.758	7.547.298.758
Tăng khác	0	419.907.066	0	0	0	419.907.066
Phân phối lợi nhuận	0	0	8.729.852.263	1.721.688.626	(15.318.522.259)	(4.866.981.370)
Giảm khác	0	(13.289.554)	0	0	0	(13.289.554)
<b>Tại ngày 30/6/2010</b>	<b>18.983.640.000</b>	<b>419.907.066</b>	<b>10.249.255.411</b>	<b>3.418.298.110</b>	<b>7.547.298.758</b>	<b>40.618.399.345</b>

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	30/06/2010 Đồng	01/01/2010 Đồng
Vốn góp của Công ty Hợp tác Kinh tế - Quân khu 4	9.675.780.000	9.675.780.000
Vốn góp của các đối tượng khác	9.307.860.000	9.307.860.000
<b>Cộng</b>	<b>18.983.640.000</b>	<b>18.983.640.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức lợi nhuận được chia**

	Từ 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010 Đồng	Năm 2009 Đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	18.983.640.000	18.983.640.000
+ Vốn góp tăng trong năm	0	0
+ Vốn góp giảm trong năm	0	0
+ Vốn góp cuối năm	18.983.640.000	18.983.640.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	15.318.522.259	3.490.875.657

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA - BAO BÌ VINH**

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An  
 Tel: 038 3855 524 Fax: 038 3856 007

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ kế toán  
 từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**d. Cổ phiếu**

	<b>30/06/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>Cổ phiếu</b>	<b>Cổ phiếu</b>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.898.364	1.898.364
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.898.364	1.898.364
+ Cổ phiếu phổ thông	1.898.364	1.898.364
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	0	0
+ Cổ phiếu phổ thông	0	0
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.898.364	1.898.364
+ Cổ phiếu phổ thông	1.898.364	1.898.364

(\*) Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

**e- Các quỹ của doanh nghiệp**

	<b>30/06/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>Đồng</b>	<b>Đồng</b>
Quỹ đầu tư phát triển	10.249.255.411	1.519.403.148
Quỹ dự phòng tài chính	3.418.298.110	1.696.609.484

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng để bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại đã xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi đã được bồi thường của các tổ chức, cá nhân gây ra các tổn thất và của các tổ chức Bảo hiểm

**VI- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

	<b>Quý II</b>		<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này</b>	
	<b>Năm nay Đồng</b>	<b>Năm trước Đồng</b>	<b>Năm nay Đồng</b>	<b>Năm trước Đồng</b>
<b>25- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>80.576.626.591</b>	<b>74.136.391.825</b>	<b>158.635.970.014</b>	<b>126.965.647.395</b>
<b>Trong đó:</b>				
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	80.576.626.591	74.136.391.825	158.635.970.014	126.965.647.395
<b>26- Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>27- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>80.576.626.591</b>	<b>74.136.391.825</b>	<b>158.635.970.014</b>	<b>126.965.647.395</b>
<b>Trong đó:</b>				
Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm hàng hóa	80.576.626.591	74.136.391.825	158.635.970.014	126.965.647.395



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA - BAO BÌ VINH**

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An  
 Tel: 038 3855 524 Fax: 038 3856 007

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ kế toán  
 từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**28- Giá vốn hàng bán**

	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay Đồng	Năm trước Đồng	Năm nay Đồng	Năm trước Đồng
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	68.886.270.587	60.410.520.693	136.849.579.003	105.152.034.376
<b>Cộng</b>	<b>68.886.270.587</b>	<b>60.410.520.693</b>	<b>136.849.579.003</b>	<b>105.152.034.376</b>

**29- Doanh thu hoạt động tài chính**

	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay Đồng	Năm trước Đồng	Năm nay Đồng	Năm trước Đồng
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	7.884.516	5.130.311	18.210.122	11.320.866
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	63.823.181	0	63.823.181	0
<b>Cộng</b>	<b>71.707.697</b>	<b>5.130.311</b>	<b>82.033.303</b>	<b>11.320.866</b>

**30- Chi phí hoạt động tài chính**

	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay Đồng	Năm trước Đồng	Năm nay Đồng	Năm trước Đồng
Chi phí lãi tiền vay	1.810.070.435	546.985.895	2.991.761.719	1.358.985.155
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	571.020.122	647.581.070	941.658.962	1.347.866.316
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	122.538.302	0	122.538.302	0
<b>Cộng</b>	<b>2.503.628.859</b>	<b>1.194.566.965</b>	<b>4.055.958.983</b>	<b>2.706.851.471</b>

**31- Chi phí thuế thu nhập hiện hành**

	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay Đồng	Năm trước Đồng	Năm nay Đồng	Năm trước Đồng
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.307.654.297	2.087.239.674	2.519.584.712	2.487.239.674
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	0	0	0	0
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.307.654.297	2.087.239.674	2.519.584.712	2.487.239.674

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**33- Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay Đồng	Năm trước (*) Đồng	Năm nay Đồng	Năm trước (*) Đồng
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	58.356.461.094		114.046.924.613	
Chi phí nhân công	4.770.565.797		9.300.521.631	
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.016.298.863		3.940.393.875	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	705.755.949		4.601.036.728	
Chi phí khác bằng tiền	406.307.050		859.201.519	
<b>Cộng</b>	<b>66.255.388.753</b>		<b>132.748.078.366</b>	

(\*): Không có số liệu so sánh này vì Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009 của Công ty Cổ phần Nhựa - Bao bì Vinh không thuyết minh phần số liệu này.

**35- Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay Đồng	Năm trước Đồng	Năm nay Đồng	Năm trước Đồng
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.922.962.890	6.596.764.977	7.547.298.758	9.739.003.394
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.922.962.890	6.596.764.977	7.547.298.758	9.739.003.394
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.898.364	1.898.364	1.898.364	1.898.364
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.066,50	3.474,97	3.975,69	5.130,21

**VIII- NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**2- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010.

**5- Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh tại ngày 01/01/2010 trên Bảng cân đối kế toán được lấy từ Báo cáo tài chính năm 2009 của Công ty Cổ phần Nhựa - Bao bì Vinh đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tại Hà Nội; Số liệu so sánh giai đoạn tài chính trước trên Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lấy từ Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009 của Công ty Cổ phần Nhựa - Bao bì Vinh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA - BAO BÌ VINH**

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An  
Tel: 038 3855 524 Fax: 038 3856 007

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ kế toán  
từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)*

**6- Tính hoạt động liên tục**

Không có dấu hiệu nào cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra không liên tục.

*Thành phố Vinh, ngày 25 tháng 7 năm 2010*

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

**Trần Thị Hồng Thái**

**Nguyễn Xuân Hải**